

Số: /QĐ-TTPVHCC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

QUYẾT ĐỊNH

Về việc phê duyệt quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Hàng hải và Đường thủy nội địa, Thuế, Đường bộ, bãi bỏ quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trong lĩnh vực Đường sắt, Thuế trên địa bàn thành phố Hà Nội

GIÁM ĐỐC TRUNG TÂM PHỤC VỤ HÀNH CHÍNH CÔNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 16/6/2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08/6/2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 48/2013/NĐ-CP ngày 14/5/2013 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính, Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07/8/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia; Nghị định số 367/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09/6/2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Nghị định số 45/2020/NĐ-CP ngày 08/4/2020 của Chính phủ về Về thực hiện thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Thông tư số 03/2025/TT-VPCP ngày 15/9/2025 của Bộ trưởng, Chủ nhiệm Văn phòng Chính phủ Hướng dẫn thi hành một số nội dung của Nghị định số 118/2025/NĐ-CP ngày 09 tháng 6 năm 2025 của Chính phủ về thực hiện thủ tục hành chính theo cơ chế một cửa, một cửa liên thông tại Bộ phận Một cửa và Cổng Dịch vụ công quốc gia;

Căn cứ Quyết định số 105/QĐ-UBND ngày 09/01/2026 của UBND thành phố Hà Nội về việc Chủ tịch Ủy ban nhân dân Thành phố ủy quyền thực hiện một số nhiệm vụ về kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ các Quyết định của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố: Quyết định số 117/QĐ-TTPVHCC ngày 27/01/2026 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thuế và lĩnh vực Đường sắt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội; Quyết định số 308/QĐ-TTPVHCC ngày

13/3/2026 về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội; Quyết định số 325/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026 Về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Hàng hải và đường thủy nội địa, lĩnh vực Đường sắt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Xây dựng thành phố Hà Nội tại Công văn số 8219/SXD-VP ngày 18/4/2026.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Phê duyệt kèm theo Quyết định này quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết **03** thủ tục hành chính (TTHC) lĩnh vực Thuế, **01** TTHC lĩnh vực Hàng hải và Đường thủy nội địa, **02** TTHC lĩnh vực Đường bộ thuộc phạm vi quản lý của Sở Xây dựng.

Bãi bỏ quy trình nội bộ, quy trình điện tử giải quyết **02** TTHC lĩnh vực Thuế, **01** TTHC đường sắt thuộc phạm vi quản lý của Sở Xây dựng.

(Chi tiết tại Phụ lục kèm theo).

Điều 2. Sở Xây dựng Hà Nội chủ trì, phối hợp với Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội và các cơ quan, đơn vị có liên quan căn cứ Quyết định này thiết lập quy trình điện tử giải quyết thủ tục hành chính trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính để phục vụ việc cung cấp dịch vụ công theo quy định.

Điều 3. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Các quy trình nội bộ, quy trình điện tử ký hiệu QT-07, QT-08, từ QT-104 đến QT-108 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 671/QĐ-TTPVHCC ngày 28/04/2025; QT-01 tại Phụ lục ban hành kèm theo Quyết định số 1096/QĐ-TTPVHCC ngày 24/7/2025 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công hết hiệu lực.

Điều 4. Sở Xây dựng, Trung tâm Phục vụ hành chính công, các Sở, ban, ngành Thành phố, Chủ tịch Ủy ban nhân dân các phường, xã và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 4;
- Cục Kiểm soát TTHC-Bộ Tư pháp;
- Thường trực: Thành ủy, HĐND TP;
- Chủ tịch UBND Thành phố;
- Các Phó Chủ tịch UBND Thành phố;
- Cổng Thông tin điện tử Thành phố;
- TTPVHCC: GD, PGD, các phòng, đơn vị, chi nhánh/Điểm hỗ trợ DVC số;
- Lưu: VT, KSTTHC.

GIÁM ĐỐC

Phan Văn Phúc

Phụ lục I
QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC
HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THUẾ, HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA,
ĐƯỜNG BỘ THUỘC PHẠM VI CHỨC NĂNG QUẢN LÝ NHÀ NƯỚC
CỦA SỞ XÂY DỰNG THÀNH PHỐ HÀ NỘI

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày / /2026
của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

A. DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT
THỦ TỤC HÀNH CHÍNH LĨNH VỰC THUẾ, LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ
ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA THUỘC PHẠM VI QUẢN LÝ CỦA SỞ XÂY DỰNG
THÀNH PHỐ HÀ NỘI

TT	Mã TTHC	Tên quy trình nội bộ, quy trình điện tử	Trang
I	LĨNH VỰC THUẾ		
1	3.000251	Thủ tục xác định xe thuộc trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp	4
2	3.000252	Thủ tục xác định xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên	20
3	3.000255	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng	25
II	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA		
4	1.005024	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô	33
III	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ		
5	1.000660	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	42
6	1.000672	Công bố lại bến xe khách	51

B. NỘI DUNG QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ ĐỐI VỚI VIỆC GIẢI QUYẾT TỪNG THỦ TỤC HÀNH CHÍNH

1. Quy trình thủ tục xác định xe thuộc trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp (Mã thủ tục hành chính: 3.000251).

1	MỤC ĐÍCH: Quy định trình tự và thủ tục xác định xe thuộc trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp.		
2	<p>PHẠM VI:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp dụng đối với các Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh vận tải. Mang giấy tờ xe nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Trung tâm đăng kiểm hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: https://mienkd.vr.org.vn. - Cán bộ, viên chức Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội thuộc Sở Xây dựng Hà Nội. - Khuyến khích các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới ngoài công lập áp dụng Quy trình này trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân. 		
3	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13; - Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15; - Nghị định số 364/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô; - Quyết định số 4510/QĐ-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. - Quyết định số 117/QĐ-TTPVHCC ngày 27/01/2026 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công thành phố về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thuế và lĩnh vực Đường sắt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	<p>1. Trường hợp xe bị hư hỏng không sử dụng được; xe bị thải bỏ, bị mất không tìm được và chủ xe đề nghị thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe theo quy định pháp luật về trật tự, an toàn giao thông đường bộ.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP. - Bản sao Quyết định hoặc Chứng nhận thu hồi chứng nhận đăng ký xe, biển số xe. <p>2. Trường hợp xe bị tịch thu; xe bị tạm giữ trong thời gian từ 30 ngày trở lên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP. 	X	X
	<p>1. Trường hợp xe bị tịch thu; xe bị tạm giữ trong thời gian từ 30 ngày trở lên</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP. 	X	

	- Bản sao Quyết định hoặc Biên bản tịch thu phương tiện đối với trường hợp xe ô tô bị tịch thu.		X
	- Bản sao Quyết định hoặc Biên bản tạm giữ phương tiện và Biên bản bàn giao tài sản sau khi bị tạm giữ đối với trường hợp xe ô tô bị tạm giữ.		X
	3. Trường hợp xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên		
	- Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.	X	
	- Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.	X	
	4. Trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng chuyển sang không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng		
	- Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.	X	
	- Biên bản thu Tem kiểm định theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.	X	
	5. Trường hợp xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên		
	- Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.	X	
	- Bản sao Giấy phép liên vận hoặc văn bản cho phép của cơ quan có thẩm quyền cấp theo quy định của pháp luật về hoạt động vận tải đường bộ; bản sao Tờ khai phương tiện vận tải tại đường bộ tạm xuất - tái nhập có xác nhận của Hải quan cửa khẩu đã làm thủ tục tạm xuất và tái nhập.		X
	6. Trường hợp xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên sau đó tìm được, thu hồi và giao lại cho chủ xe		
	- Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.	X	
	- Đơn trình báo về việc mất tài sản có xác nhận của cơ quan công an và Biên bản bàn giao tài sản do cơ quan công an thu hồi giao cho chủ xe.	X	
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		

	1. Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí, cơ sở đăng kiểm thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ xe để hoàn chỉnh lại hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ.			
	2. Đối với xe ô tô thuộc trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp, trừ trường hợp xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên và xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng: Chậm nhất là 03 ngày làm việc (riêng đối với trường hợp xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên, xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên sau đó tìm được, thu hồi và giao lại cho chủ xe chậm nhất là 01 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.			
	3. Đối với xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên: Chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ tiền phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.			
	4. Đối với xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng đã được nộp phí qua thời điểm cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định: Ngay trong ngày lập Biên bản thu Tem kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.			
	5. Cơ sở đăng kiểm thực hiện trả lại hoặc bù trừ phí cho chủ xe theo thông tin tại Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ ngay trong ngày ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ.			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội: <ul style="list-style-type: none"> + Trung tâm Đăng kiểm 3301S: Km 15, Quốc lộ 6, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội; + Trung tâm Đăng kiểm 3302S: Số 2 Ngõ 550 Phố Chùa Thông, Phường Sơn Tây, TP. Hà Nội. - Nộp qua dịch vụ bưu chính. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. 			
3.6	Phí, lệ phí: Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả

	<p>Trường hợp 3: Đối với xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên: Chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ tiền phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.</p>	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 03 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (giờ hành chính)	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.
	<p>Trường hợp 4: Đối với xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng đã được nộp phí qua thời điểm cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định: Ngay trong ngày lập Biên bản thu Tem kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.</p>	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (giờ hành chính)	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.
B3	Thụ lý hồ sơ			
	<i>Trường hợp 1: Hồ sơ chưa đầy đủ, thời hạn 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ trả lại hoặc bù trừ phí, cơ sở đăng kiểm thông báo bằng văn bản hoặc qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ phương tiện để hoàn chỉnh lại hồ sơ trong trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ.</i>			
B3.1.1	Kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với các quy định.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ	
B3.1.2	Toàn bộ hồ sơ trình Lãnh đạo Trung tâm xem xét, phê duyệt	Giám đốc/Phó Giám đốc Trung tâm	Tối đa 02 giờ	
B3.1.3	Trả kết quả trực tiếp cho tổ chức/ cá nhân hoặc thông báo bằng văn bản qua hệ thống dịch vụ công trực tuyến cho chủ phương tiện hoàn chỉnh lại hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	

	<p>Trường hợp 2: Đối với xe ô tô thuộc trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp, trừ trường hợp xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên và xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng: Chậm nhất là 03 ngày làm việc (riêng đối với trường hợp xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên, xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên sau đó tìm được, thu hồi và giao lại cho chủ xe chậm nhất là 01 ngày làm việc) kể từ ngày nhận đầy đủ hồ sơ đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.</p>			
	<p>a) Đối với xe ô tô thuộc trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp, trừ trường hợp xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên và xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng: Chậm nhất là 03 ngày làm việc.</p>			
B3.2a.1	<p>Kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với các quy định. Trong vòng 02 ngày làm việc, đơn vị đăng kiểm tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.</p>	<p>Nhân viên nghiệp vụ kiểm định</p>	<p>Tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (giờ hành chính)</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.
B3.2a.2	<p>Ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.</p>	<p>Nhân viên nghiệp vụ kiểm định</p>	<p>Tối đa 02 giờ</p>	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.
B3.2a.3	<p>Đơn vị đăng kiểm tính, thu phí sử dụng đường bộ trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ cho chủ phương tiện</p>	<p>Nhân viên nghiệp vụ kiểm định</p>	<p>Tối đa 02 giờ</p>	

B3.2a.4	Toàn bộ hồ sơ trình lãnh đạo Trung tâm xem xét, phê duyệt	Giám đốc/Phó Giám đốc Trung tâm	Tối đa 02 giờ	- Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.
B3.2a.5	Trả kết quả cho tổ chức/ cá nhân	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	
B3.2a.6	Thông kê, theo dõi và lưu hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	- Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.
<i>b) Riêng đối với trường hợp xe đăng ký, đăng kiểm tại Việt Nam nhưng hoạt động tại nước ngoài liên tục từ 30 ngày trở lên, xe bị mất trộm trong thời gian từ 30 ngày trở lên sau đó tìm được, thu hồi và giao lại cho chủ xe: Chậm nhất là 01 ngày làm việc.</i>				
B3.2b.1	- Kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với các quy định. - Ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ	- Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.
B3.2b.2	Đơn vị đăng kiểm tính, thu phí sử dụng đường bộ trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ cho chủ phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ	

B3.2b.3	Toàn bộ hồ sơ trình lãnh đạo Trung tâm xem xét, phê duyệt	Giám đốc/Phó Giám đốc Trung tâm	Tối đa 02 giờ	- Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.
B3.2b.4	Trả kết quả cho tổ chức/ cá nhân	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	
B3.2b.5	Thông kê, theo dõi và lưu hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	- Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.
<i>Trường hợp 3: Đối với xe ô tô tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên: Chậm nhất là 03 ngày làm việc kể từ ngày lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ tiền phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.</i>				
B3.3.1	Kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với các quy định. Trong vòng 02 ngày làm việc, đơn vị đăng kiểm tiếp nhận và kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận hồ sơ (giờ hành chính)	- Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.

B3.3.2	Ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ tiền phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ	- Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.
B3.3.3	Đơn vị đăng kiểm tính, thu phí sử dụng đường bộ trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ cho chủ phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ	
B3.3.4	Toàn bộ hồ sơ trình lãnh đạo Trung tâm xem xét, phê duyệt	Giám đốc/Phó Giám đốc Trung tâm	Tối đa 02 giờ	- Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.
B3.3.5	Trả kết quả cho tổ chức/ cá nhân	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	
B3.3.6	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	- Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.

	Trường hợp 4: Đối với xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng đã được nộp phí qua thời điểm cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định: Ngay trong ngày lập Biên bản thu Tem kiểm định, thủ trưởng cơ sở đăng kiểm ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.			
B3.4.1	- Kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với các quy định. - Ban hành Quyết định về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP hoặc Thông báo về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ theo Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ	- Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.
B3.4.2	Đơn vị đăng kiểm tính, thu phí sử dụng đường bộ trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ cho chủ phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ	
B3.4.3	Toàn bộ hồ sơ trình lãnh đạo Trung tâm xem xét, phê duyệt	Giám đốc/Phó Giám đốc Trung tâm	Tối đa 02 giờ	- Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.
B3.4.4	Trả kết quả cho tổ chức/ cá nhân	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	
B3.4.5	Thông kê, theo dõi và lưu hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	- Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP;

				- Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.
4	BIỂU MẪU			
	<ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 03 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 04 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP. 			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm...

GIẤY ĐỀ NGHỊ

Trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ

Kính gửi:(tên cơ quan/đơn vị trả lại hoặc bù trừ phí).....

I. Thông tin về tổ chức, cá nhân đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ

Tên chủ xe:.....

Số hộ chiếu/căn cước hoặc số định danh cá nhân: cấp ngày:
tại:

Điện thoại:.....

Địa chỉ:.....

II. Nội dung đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ

1. Thông tin về khoản phí đề nghị trả lại hoặc bù trừ:

- Phương tiện đã nộp phí:..... (loại xe, biển số xe).....

- Thời gian đã nộp phí: Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

- Số tiền phí đã nộp:.....

- Số tiền phí đề nghị trả lại hoặc bù trừ:.....

- Lý do đề nghị trả lại hoặc bù trừ:.....

2. Hình thức đề nghị trả phí hoặc bù trừ

a) Bù trừ:

b) Trả lại tiền phí: Tiền mặt: Chuyển khoản:

Chuyển tiền vào tài khoản số:.....tại ngân hàng:..... (hoặc)

Người nhận tiền: số hộ chiếu/căn cước hoặc số định danh cá nhân:..... cấp ngày:
..... tại:.....

III. Tài liệu gửi kèm (ghi rõ tên tài liệu, bản chính, bản sao)

1

2

Tôi cam đoan số liệu khai trên là đúng và chịu trách nhiệm trước pháp luật về những số liệu đã khai.

CHỦ XE

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

TÊN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày.... tháng.... năm ...

BIÊN BẢN**Thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định**

Vào hồi giờ.... ngày ... tháng ... năm

Tại cơ sở đăng kiểm xe cơ giới:, địa chỉ: điện thoại:

.....

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cho cơ sở đăng kiểm

1. Ông:, Chức vụ: Lãnh đạo.

2. Ông:, Chức vụ: Nhân viên.

II. Đại diện cho chủ xe có biển số:

Ông/Bà:, là chủ xe/lái xe. Số điện thoại:; Số hộ chiếu/căn cước hoặc số định danh cá nhân/Giấy phép lái xe: cấp ngày, tại:

.....

Cùng nhau lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định để làm cơ sở xác định thời điểm xin tạm dừng tham gia giao thông và tính trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ, cụ thể:

Ông/Bà đã nộp lại Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định có số sê ri: do ... (cơ sở đăng kiểm) cấp ngày: .../.../... có hiệu lực đến ngày .../.../...

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho chủ xe, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định.

CHỦ XE*(Ký và ghi rõ họ tên)***NHÂN VIÊN CƠ SỞ****ĐĂNG KIỂM***(Ký và ghi rõ họ tên)***THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ****ĐĂNG KIỂM***(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)*

TÊN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày.... tháng.... năm ...

QUYẾT ĐỊNH**Về việc trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ****CHỨC DANH THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN RA QUYẾT ĐỊNH**

Căn cứ Nghị định số 364/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô;

Căn cứ vào Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ (hoặc đơn đề nghị lưu hành trở lại) ngày .../... /20... kèm theo hồ sơ của:(Tên người nộp phí)....;

Theo đề nghị của

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ cho... *(Tên người nộp phí)*...

- Tổng số tiền phí là: đồng (bằng chữ:).

- Phương tiện được trả lại hoặc bù trừ: ...*(Loại xe, biển số xe hoặc danh sách phương tiện kèm theo)*

- Thời gian phương tiện không sử dụng và được trả lại hoặc bù trừ phí: Từ ngày/...../..... đến ngày/...../.....

Lý do trả lại hoặc bù trừ phí:

Hình thức trả lại hoặc bù trừ tiền:

Bù trừ

Trả lại :

Tiền mặt

Chuyển khoản

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký.....*(Tên người nộp phí)*..., ...*(bộ phận liên quan của tổ chức thu phí)*... chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Nơi nhận:

- Như Điều 2;

- Lưu: VT,

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)

TÊN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày... tháng.... năm ...

THÔNG BÁO**Về việc không được trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ**

Cơ sở đăng kiểm nhận được Giấy đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ ngày ... tháng ... năm ... của ... (*Tên người nộp phí, mã số thuế*)... và hồ sơ gửi kèm theo.

Căn cứ Nghị định số 364/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô.

Hồ sơ đề nghị trả lại hoặc bù trừ phí của ...(*Tên người nộp phí*)... không thuộc đối tượng, trường hợp được trả lại hoặc bù trừ phí hoặc có số tiền phí không được trả lại hoặc bù trừ là đồng (bằng chữ:.....).

Lý do: ...(nêu rõ lý do không được trả lại phí và căn cứ cụ thể).....

Nếu có vướng mắc, xin liên hệ với cơ sở đăng kiểm để được giải đáp.

Số điện thoại:

Địa chỉ:

THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM*(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu)***Nơi nhận:**- ...(*Tên người nộp phí*)...

-,

- Lưu VT, ...

TÊN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

....., ngày... tháng... năm

BIÊN BẢN
Thu Tem kiểm định

Vào hồi giờ ngày tháng năm

Tại cơ sở đăng kiểm:, điện thoại:.....

Địa chỉ:

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cho cơ sở đăng kiểm

1. Ông:, Chức vụ: Lãnh đạo.

2. Ông:, Chức vụ: Nhân viên.

II. Đại diện cho chủ xe:

Ông/Bà:

Số hộ chiếu/căn cước hoặc số định danh cá nhân:....., cấp ngày:..... tại:

.....

Cùng nhau lập Biên bản xác nhận đã thu Tem kiểm định để làm căn cứ xét phương tiện thuộc trường hợp không chịu phí sử dụng đường bộ các phương tiện sau đây.

STT	Biển số đăng ký	Tem kiểm định		
		Số sê ri	Đơn vị cấp	Thời hạn

Biên bản được lập thành 02 bản, 01 bản giao cho chủ xe, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm thu tem.

CHỦ XE Ô TÔ
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM**
(Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu)

2. Quy trình Thủ tục xác định xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên (Mã thủ tục hành chính: 3.000252)

1	MỤC ĐÍCH: Quy trình và Thủ tục xác định xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên.		
2	PHẠM VI: - Áp dụng đối với các Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân. Mang giấy tờ xe nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Trung tâm đăng kiểm hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: https://mienkd.vr.org.vn . - Cán bộ, viên chức Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội thuộc Sở Xây dựng Hà Nội. - Khuyến khích các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới ngoài công lập áp dụng Quy trình này trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.		
3	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	- Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13; - Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15; - Nghị định số 364/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô; - Quyết định số 4510/QĐ-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính. - Quyết định số 117/QĐ-TTPVHCC ngày 27/01/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thuế và lĩnh vực Đường sắt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội.		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	- Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Giấy chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử.	x	x
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	Trong thời gian 01 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông và các giấy tờ kèm theo, cơ sở đăng kiểm đối chiếu thông tin của xe ô tô trong Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông, lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định trong trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp hoặc trả lại hồ sơ.		

3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<p>- Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội: + Trung tâm Đăng kiểm 3301S: Km 15, Quốc lộ 6, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội; + Trung tâm Đăng kiểm 3302S: Số 2 Ngõ 550 Phố Chùa Thông, Phường Sơn Tây, TP. Hà Nội. - Nộp qua dịch vụ bưu chính. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến.</p>			
3.6	Phí, lệ phí: Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc:			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/Kết quả
B1	<p>1. Chủ xe nộp Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông theo Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP và Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định còn hiệu lực cho cơ sở đăng kiểm. Trường hợp xe bị tai nạn dẫn đến Tem kiểm định, Giấy chứng nhận kiểm định bị mất, hỏng không đủ thông tin để xác định số sê ri hoặc biển số xe thì chủ xe phải có giấy xác nhận của cơ quan công an hoặc bảo hiểm liên quan đến việc xử lý tai nạn.</p> <p>2. Cơ sở đăng kiểm đối chiếu thông tin của xe ô tô trong Đơn xin tạm dừng tham gia giao thông với dữ liệu xe ô tô trên cơ sở dữ liệu về trật tự, an toàn giao thông đường bộ theo quy định của pháp luật và thông tin về tình hình nộp phí sử dụng đường bộ, lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định theo Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP trong trường hợp kết quả kiểm tra phù hợp hoặc trả lại hồ sơ cho chủ xe</p>	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ ngay sau khi nhận hồ sơ	<p>- Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP</p>

	trong trường hợp kết quả kiểm tra không phù hợp.			
B2	Đơn vị đăng kiểm tính, thu phí sử dụng đường bộ cho chủ phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ	
B3	Toàn bộ hồ sơ trình lãnh đạo Trung tâm xem xét, phê duyệt	Giám đốc/Phó Giám đốc Trung tâm	Tối đa 03 giờ	- Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP;
B4	Trả kết quả cho tổ chức/ cá nhân	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	
B5	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	- Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP
4	BIỂU MẪU:			
	- Mẫu số 02 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 05 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.			

Mẫu số 02

TÊN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM
-----CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:

..., ngày.... tháng.... năm ...

BIÊN BẢN**Thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định**

Vào hồi giờ.... ngày ... tháng ... năm

Tại cơ sở đăng kiểm xe cơ giới:, địa chỉ: điện thoại:

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cho cơ sở đăng kiểm

1. Ông:, Chức vụ: Lãnh đạo.

2. Ông:, Chức vụ: Nhân viên.

II. Đại diện cho chủ xe có biển số:

Ông/Bà:, là chủ xe/lái xe. Số điện thoại:; Số hộ chiếu/căn cước hoặc số định danh cá nhân/Giấy phép lái xe: cấp ngày, tại:

Cùng nhau lập Biên bản thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định để làm cơ sở xác định thời điểm xin tạm dừng tham gia giao thông và tính trả lại hoặc bù trừ phí sử dụng đường bộ, cụ thể:

Ông/Bà đã nộp lại Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định có số sê ri: do ... (cơ sở đăng kiểm) cấp ngày: .../.../... có hiệu lực đến ngày .../.../...

Biên bản được lập thành 02 bản có giá trị như nhau, 01 bản giao cho chủ xe, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm thu Tem kiểm định và Giấy chứng nhận kiểm định.

CHỦ XE
(Ký và ghi rõ họ tên)**NHÂN VIÊN CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM**
(Ký và ghi rõ họ tên)**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày.... tháng.... năm ...

ĐƠN XIN TẠM DỪNG THAM GIA GIAO THÔNG

Kính gửi: Cơ sở đăng kiểm.....

Tên chủ xe:

Địa chỉ:

Điện thoại:

Tôi xin đăng ký tạm dừng tham gia giao thông đối với các xe thuộc sở hữu của tôi/chúng tôi, cụ thể như sau:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Số phù hiệu, biển hiệu (nếu có)	Thời gian dự kiến tạm dừng hoạt động
1	Từ ngày ... đến ngày ...
2				

Lý do tạm dừng tham gia giao thông:.....

CHỦ XE

(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

3. Quy trình thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng (Mã thủ tục hành chính: 3.000255)

1	MỤC ĐÍCH: Quy định trình tự và thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng		
2	PHẠM VI: - Áp dụng đối với các Doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh vận tải. Mang giấy tờ xe nộp hồ sơ bằng hình thức trực tiếp tại Trung tâm đăng kiểm hoặc qua hệ thống trực tuyến tại địa chỉ: https://mienkd.vr.org.vn . - Sở Xây dựng Hà Nội: Nộp Trực tuyến tại Bộ phận một cửa - Trung tâm phục vụ hành chính công TP Hà Nội. - Cán bộ, viên chức Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội thuộc Sở Xây dựng Hà Nội. - Khuyến khích các Trung tâm đăng kiểm xe cơ giới ngoài công lập áp dụng Quy trình này trong giải quyết thủ tục hành chính cho tổ chức, cá nhân.		
3	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Luật Phí và lệ phí số 97/2015/QH13; - Luật Đường bộ số 35/2024/QH15; - Luật Trật tự, an toàn giao thông đường bộ số 36/2024/QH15; - Nghị định số 364/2025/NĐ-CP ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Chính phủ quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô; - Quyết định số 4510/QĐ-BTC ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực thuế thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Tài chính - Quyết định số 117/QĐ-TTPVHCC ngày 27/01/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và thủ tục hành chính bị bãi bỏ trong lĩnh vực Thuế và lĩnh vực Đường sắt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
* Tại Sở Xây dựng thành phố Hà Nội			
	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng (theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP); - Bản chụp giấy đăng ký kinh doanh hoặc giấy chứng nhận Trung tâm sát hạch lái xe đủ điều kiện hoạt động. - Bản chụp giấy chứng nhận đăng ký xe (của từng xe xin xác nhận). 	x	x x
* Tại đơn vị Đăng kiểm			

	<ul style="list-style-type: none"> - Đơn xin xác nhận xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng (do cấp có thẩm quyền đã xác nhận) theo Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP. - Giấy chứng nhận đăng ký xe; bản sao có chứng thực hoặc bản điện tử. 	x		
3.3	Số lượng hồ sơ: 01 bộ đối với trực tuyến (03 bộ đối với trường hợp nộp hồ sơ giấy)	x		x
3.4	Thời gian xử lý			
	<ul style="list-style-type: none"> - Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn xin xác nhận, Sở Xây dựng kiểm tra và xác nhận vào Đơn xin xác nhận nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai. - Chủ xe nộp Đơn xin xác nhận cho cơ sở đăng kiểm nơi chủ xe đưa xe đến kiểm định trong vòng 02 ngày làm việc kể từ ngày được Sở Xây dựng xác nhận. - Đối với trường hợp không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và cấp Giấy chứng nhận kiểm định (không cấp Tem kiểm định). - Đối với trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng được chuyển sang đối tượng không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và lập Biên bản thu Tem kiểm định. 			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả:			
	<p>* Tại Sở Xây dựng thành phố Hà Nội:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cách 1: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội. - Cách 2: Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. - Cách 3: Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia. <p>* Tại trung tâm Đăng kiểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Nộp hồ sơ trực tiếp tại Bộ phận tiếp nhận và trả kết quả của Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới Hà Nội: + Trung tâm Đăng kiểm 3301S: Km 15, Quốc lộ 6, Phường Yên Nghĩa, TP. Hà Nội; + Trung tâm Đăng kiểm 3302S: Số 2 Ngõ 550 Phố Chùa Thông, Phường Sơn Tây, TP. Hà Nội. - Nộp qua dịch vụ bưu chính. - Đăng ký dịch vụ công trực tuyến. 			
3.6	Phí, lệ phí: Không			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả

	* Tại Sở Xây dựng thành phố Hà Nội:	Sở Xây dựng	Chậm nhất 10 ngày làm việc kể từ khi nhận được Đơn xin xác nhận	
B1	Nộp hồ sơ xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ	tổ chức/cá nhân (được ủy quyền theo quy định)	Giờ hành chính	Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP
B2	Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. (Ưu tiên hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến) - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không hợp lệ: hướng dẫn, bổ sung hoàn thiện hồ sơ vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi qua tài khoản của cá nhân tại Công dịch vụ công quốc gia. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: số hoá hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và gửi Phiếu Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho cá nhân; luân chuyển hồ sơ trên hệ thống và hồ sơ giấy (nếu có) về Sở Xây dựng.	Bộ phận Một cửa - Trung tâm phục vụ hành chính công TP Hà Nội.	04 giờ	Các biểu mẫu theo Thông tư số 03/2025/TT-VPCP
B3	Thụ lý hồ sơ			
B3.1	Trường hợp hồ sơ đủ điều kiện xem xét, Sở Xây dựng Hà Nội tiến hành kiểm tra thực tế doanh nghiệp và xác nhận vào Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai của doanh nghiệp; thời gian thực hiện chậm nhất là 10 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ.			
B3.2	Kiểm tra hồ sơ, đối chiếu với các quy định. Liên hệ để thông báo trực tiếp cho doanh nghiệp về thời gian, địa điểm kiểm tra thực tế doanh nghiệp.	Chuyên viên Phòng QLVT	22 giờ	Hồ sơ; phiếu kiểm soát hồ sơ

B3.3	Kiểm tra thực tế doanh nghiệp; Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông nếu các phương tiện đủ điều kiện theo nội dung kê khai của doanh nghiệp.	Chuyên viên và Lãnh đạo Phòng QLVT	24 giờ	Hồ sơ; phiếu kiểm soát hồ sơ
B3.4	Trình lãnh đạo Phòng xét duyệt, ký tắt Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông	Chuyên viên và Lãnh đạo Phòng QLVT	18 giờ	Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông; phiếu kiểm soát hồ sơ
B3.5	Trình lãnh đạo Sở ký duyệt Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông	Văn phòng; Lãnh đạo Sở	06 giờ	Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông; phiếu kiểm soát hồ sơ
B3.6	Đóng dấu Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông	Văn phòng, Chuyên viên Phòng QLVT	02 giờ	Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông
B3.7	Bàn giao Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông	Văn phòng, Chuyên viên Bộ phận Một cửa	04 giờ	Đơn xin xác nhận ô tô không tham gia giao thông
B3.8	Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân, thống kê theo dõi hồ sơ.	Bộ phận Một cửa	Giờ hành chính	Phiếu kiểm soát hồ sơ, Sổ theo dõi hồ sơ
	* Tại trung tâm Đăng kiểm:			
B1	<p>- Chủ xe nộp Đơn xin xác nhận (có xác nhận của Sở Xây dựng) cho cơ sở đăng kiểm nơi chủ xe đưa xe đến kiểm định.</p> <p>+ Đối với trường hợp không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và cấp Giấy chứng nhận kiểm định điện tử trên phần mềm (không cấp Tem kiểm định) theo quy định về kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi</p>	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ ngay sau khi nhận hồ sơ	<p>- Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP;</p> <p>- Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP</p>

	trường phương tiện giao thông cơ giới đường bộ của Bộ Xây dựng. + Đối với trường hợp xe đang tham gia giao thông, sử dụng đường dành cho giao thông công cộng được chuyển sang đối tượng không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chậm nhất 01 ngày làm việc kể từ ngày nhận được Đơn xin xác nhận, cơ sở đăng kiểm kiểm tra, đối chiếu Đơn xin xác nhận và lập Biên bản thu Tem kiểm định theo Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.			
B2	Đơn vị đăng kiểm tính, thu phí sử dụng đường bộ hoặc trả lại phí cho chủ phương tiện	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 02 giờ	
B3	Toàn bộ hồ sơ trình Lãnh đạo Trung tâm xem xét, phê duyệt	Giám đốc/Phó Giám đốc Trung tâm	Tối đa 03 giờ	- Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP (có xác nhận của Sở Xây dựng); - Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP.
B4	Trả kết quả cho tổ chức/ cá nhân	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	
B5	Thống kê, theo dõi và lưu hồ sơ.	Nhân viên nghiệp vụ kiểm định	Tối đa 01 giờ	- Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP

4	BIỂU MẪU:
	<p>Theo Thông tư số 03/2025/TT-VPCP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01 - Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Mẫu số 02 - Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Mẫu số 03 - Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Mẫu số 04 - Mẫu Văn bản xin lỗi và đề nghị gia hạn thời gian giải quyết - Mẫu số 05 - Mẫu Thông báo dừng giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06 - Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 07 - Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ
	<p>Theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 06 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP; - Mẫu số 08 tại Phụ lục II ban hành kèm theo Nghị định số 364/2025/NĐ-CP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng năm

ĐƠN XIN XÁC NHẬN
Xe ô tô không tham gia giao thông,
không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng

Kính gửi: Sở Xây dựng Hà Nội

Tên chủ xe:.....

Số đăng ký kinh doanh:..... cấp ngày:.....

Địa chỉ:.....

1. Đề nghị của chủ xe

Đề nghị Sở Xây dựng kiểm tra và xác nhận xe ô tô thuộc sở hữu của doanh nghiệp, hộ kinh doanh, cá nhân kinh doanh là xe không tham gia giao thông, không sử dụng đường dành cho giao thông công cộng, chỉ sử dụng trong phạm vi:..... để làm căn cứ xác định thuộc trường hợp không chịu phí sử dụng đường bộ nêu dưới đây:

Số TT	Loại xe	Biển số xe	Tuyến đường/khu vực hoạt động
1	<i>Ví dụ: Xe tải</i>	<i>14M-1234</i>	<i>Mỏ Than Mông Dương</i>
2			

2. Sở Xây dựng đã kiểm tra và xác nhận các xe ô tô nêu trên là các xe chỉ sử dụng trong phạm vi:; theo đúng nội dung đã kê khai. Chủ xe phải chịu trách nhiệm trước pháp luật về việc kê khai và sử dụng xe.

Đơn này được lập thành 03 bản, 02 bản giao cho chủ xe (01 bản lưu, 01 bản để kèm hồ sơ gửi cơ sở đăng kiểm làm thủ tục xác định xe thuộc trường hợp không chịu phí), 01 bản lưu tại Sở Xây dựng.

....., ngàytháng.....năm.....

LÃNH ĐẠO SỞ
(Ký tên, đóng dấu)

CHỦ XE
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ và đóng dấu (nếu có))

TÊN CƠ SỞ ĐĂNG KIỂM

Số:

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày... tháng... năm

BIÊN BẢN
Thu Tem kiểm định

Vào hồi giờ ngày tháng năm

Tại cơ sở đăng kiểm:, điện thoại:.....

Địa chỉ:

Chúng tôi gồm:

I. Đại diện cho cơ sở đăng kiểm

1. Ông:, Chức vụ: Lãnh đạo.

2. Ông:, Chức vụ: Nhân viên.

II. Đại diện cho chủ xe:

Ông/Bà:

Số hộ chiếu/căn cước hoặc số định danh cá nhân:....., cấp ngày:..... tại:

.....

Cùng nhau lập Biên bản xác nhận đã thu Tem kiểm định để làm căn cứ xét phương tiện thuộc trường hợp không chịu phí sử dụng đường bộ các phương tiện sau đây.

STT	Biển số đăng ký	Tem kiểm định		
		Số sê ri	Đơn vị cấp	Thời hạn

Biên bản được lập thành 02 bản, 01 bản giao cho chủ xe, 01 bản lưu tại cơ sở đăng kiểm thu tem.

CHỦ XE Ô TÔ
(Ký và ghi rõ họ tên)

**NHÂN VIÊN CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM**
(Ký và ghi rõ họ tên)

**THỦ TRƯỞNG CƠ SỞ
ĐĂNG KIỂM**
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ
và đóng dấu)

4. Quy trình Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô (Mã thủ tục hành chính: 1.005024)

1	MỤC ĐÍCH: Quy định trình tự và cách thức Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và ô tô		
2	PHẠM VI: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và ô tô. Cán bộ, công chức thuộc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>- Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 15/6/2004; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Giao thông đường thủy nội địa số 23/2004/QH11 ngày 17/6/2014 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XII;</p> <p>- Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô.</p> <p>- Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT- BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô.</p> <p>- Quyết định số 2503/QĐ-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</p> <p>- Quyết định số 308/QĐ-TTPVHCC ngày 13/3/2026 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
a	Đơn đề nghị theo mẫu	x	
b	Quyết định thành lập hoặc giấy phép hoạt động của bến còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao công chứng)		x
c	Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (bản sao công)		x

	chứng)			
d	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực (bản sao công chứng)			x
đ	Dự thảo Quy trình vận hành, khai thác bến;	x		
e	Các tài liệu khác liên quan.			
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 bộ			
3.4	Thời gian xử lý			
	09 ngày làm việc kể từ khi nhận đủ hồ sơ theo quy định.			
3.5	Cách thức nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:			
	<p>Cách 1: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội. Cách 2: Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. Cách 3: Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia</p>			
3.6	Phí, lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả
B1	<p>Nộp và tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>1. Nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở lựa chọn hình thức: Trực tiếp/trực tuyến/bưu chính. <p>2. Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. (Ưu tiên hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không hợp lệ: hướng dẫn, bổ sung hoàn thiện hồ sơ vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi qua tài khoản của cá nhân tại Cổng dịch vụ công quốc gia. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: số hoá hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và gửi Phiếu Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho cá nhân; luân chuyển hồ sơ trên hệ thống 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở. - Cán bộ của Trung tâm Phục vụ hành chính công. 	½ ngày làm việc	Theo mục 3.2

	và hồ sơ giấy (nếu có) về Sở Xây dựng.			
B2	<ul style="list-style-type: none"> - TTPVHCC chuyển hồ sơ về Văn phòng Sở Xây dựng. - Chuyển hồ sơ đã nhận trình Lãnh đạo Sở giao việc. - Chuyển phòng chuyên môn giải quyết hồ sơ; Giao chuyên viên giải quyết hồ sơ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ của Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Văn phòng Sở. - Lãnh đạo Sở. - Lãnh đạo phòng chuyên môn 	½ ngày làm việc	Mẫu số 06 (Thông tư 03/2025/TT-VPCP)
<i>Trường hợp 1: hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết</i>				
B4.1.1	Chuyên viên giải quyết hồ sơ, kiểm tra hồ sơ, lập báo cáo và dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết trình Lãnh đạo phòng ký Thông báo.	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên giải quyết HS. - Lãnh đạo phòng QLKCHTGT 	½ ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Dự thảo Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.2	Phát hành Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên giải quyết hồ sơ. - Văn thư Sở 	½ ngày làm việc	Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.3	Chuyển hồ sơ về TTPVHCC	<ul style="list-style-type: none"> - Văn phòng Sở -TTPVHCC 	½ ngày làm việc	Thông báo hồ sơ không đủ điều kiện giải quyết.
B4.1.4	TTPVHCC trả hồ sơ và Thông báo cho tổ chức, cá nhân.	-TTPVHCC	Giờ hành chính	Trả hồ sơ cho tổ chức, cá nhân.
<i>Trường hợp 2: hồ sơ đủ điều kiện giải quyết</i>				
B4.2	Chuyên viên giải quyết hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ, kiểm tra hiện trường,...; - Soạn thảo Quyết định phê duyệt hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không phê duyệt.	Chuyên viên giải quyết hồ sơ.	3 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản kiểm tra - Dự thảo văn bản
B5	Lãnh đạo phòng rà soát, ký nháy Quyết định phê duyệt hoặc văn bản.	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng QLKCHTGT - Lãnh đạo Sở 	2 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Biên bản kiểm tra - Dự thảo văn bản
B6	Lãnh đạo Sở xem xét ký: Quyết định phê duyệt hoặc văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên môn - Sở Xây dựng	2 ngày làm việc	Văn bản

B7	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính, kết thúc xử lý hồ sơ trên hệ thống. - Bàn giao kết quả giấy (nếu có) về Trung tâm Phục vụ hành chính công 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên giải quyết hồ sơ. - Văn phòng Sở -TTPVHCC 	1 ngày làm việc	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính - Mẫu số 06 kèm theo Thông tư 03/2025/TT-VPCP
B8	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	-TTPVHCC		
4	BIỂU MẪU			
	<p>Theo Thông tư số 03/2025/TT-VPCP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01 - Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Mẫu số 02 - Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Mẫu số 03 - Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Mẫu số 04 - Mẫu Văn bản xin lỗi và đề nghị gia hạn thời gian giải quyết - Mẫu số 05 - Mẫu Thông báo dừng giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06 - Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 07 - Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ 			
	<p>Theo Thông tư số 72/2025/TT-BXD</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01 - Đơn đề nghị phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô - Mẫu số 02 - Quyết định phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô 			

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐƠN ĐỀ NGHỊ

**Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông
sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô**

Kính gửi: Sở

1. Tên tổ chức, cá nhân đề nghị:

- Người đại diện: Chức vụ:

- Địa chỉ liên hệ:

Số điện thoại:

2. Tên công trình:

- Địa điểm:

3. Thành phần hồ sơ, bao gồm:

1	Đơn đề nghị phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến	
2	Quyết định thành lập hoặc giấy cấp phép hoạt động của bến còn hiệu lực do cơ quan nhà nước có thẩm quyền cấp (bản sao)	
3	Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện thủy nội địa (bản sao)	
4	Giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường của phương tiện thủy nội địa còn hiệu lực (bản sao)	
5	Dự thảo quy trình vận hành, khai thác bến	
6	Các tài liệu khác liên quan	

Ghi chú: đánh dấu (x) vào ô tương ứng.

4. Nội dung đề nghị:

Kính đề nghị phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chở hành khách và xe ô tô tại bến

Tôi xin chân thành cảm ơn!

....., ngày tháng năm

Người làm đơn
(Ký, ghi rõ họ tên)

5. Quy trình Phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm (Mã thủ tục hành chính: 1.002771)

5.1. Phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa địa phương đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu hoặc thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Sở Xây dựng tổ chức trực vớt

1	MỤC ĐÍCH: Quy định trình tự và cách thức Phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa địa phương đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu hoặc thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Sở Xây dựng tổ chức trực vớt		
2	PHẠM VI: Áp dụng đối với các tổ chức, cá nhân có nhu cầu Phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa địa phương đối với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm không xác định được chủ sở hữu hoặc thuộc sở hữu nhà nước và tài sản chìm đắm do đơn vị quản lý đường thủy nội địa trực thuộc Sở Xây dựng tổ chức trực vớt. Cán bộ, công chức thuộc Sở Xây dựng chịu trách nhiệm thực hiện quy trình này.		
3	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<ul style="list-style-type: none"> - Bộ luật Hàng hải Việt Nam năm 2015; - Nghị định số 05/2017/NĐ-CP ngày 16/01/2017 của Chính phủ quy định về xử lý tài sản chìm đắm trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển và vùng biển Việt Nam; - Nghị định số 69/2022/NĐ-CP ngày 23/9/2022 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định quy định liên quan đến hoạt động kinh doanh trong lĩnh vực hàng hải. - Nghị định số 14/2026/NĐ-CP ngày 13/01/2026 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các Nghị định để cắt giảm, đơn giản hóa thủ tục hành chính liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh thuộc phạm vi quản lý của Bộ Xây dựng - Quyết định số 55/QĐ-BXD ngày 15/01/2026 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực Hàng hải và Đường thủy nội địa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Xây dựng. - Quyết định số 325/QĐ-TTPVHCC ngày 18/3/2026 của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố về việc công bố danh mục thủ tục hành chính mới ban hành, được sửa đổi, bổ sung và bị bãi bỏ trong lĩnh vực Hàng hải và đường thủy nội địa, lĩnh vực Đường sắt thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng Thành phố Hà Nội. 		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
a	Tờ khai phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm theo mẫu	x	
b	Phương án trực vớt tài sản chìm đắm, gồm các nội dung cơ bản sau: + Tên, số lượng, loại tài sản chìm đắm;	x	

	<ul style="list-style-type: none"> + Số lượng, loại hàng chở trên tàu (nếu là tàu thuyền); + Khối lượng nhiên liệu trên tàu (nếu là tàu thuyền); + Căn cứ tổ chức việc trục vớt; + Kết quả thực hiện phương án thăm dò tài sản chìm đắm (nếu có); + Địa điểm tài sản bị chìm đắm; + Dự kiến thời gian bắt đầu và thời hạn trục vớt; + Phương tiện tham gia và biện pháp trục vớt; + Biện pháp bảo đảm an toàn giao thông trong quá trình trục vớt; + Biện pháp bảo đảm an toàn lao động trong quá trình trục vớt; + Biện pháp bảo quản tài sản bị chìm đắm sau khi được trục vớt; + Bàn giao tài sản được trục vớt; + Biện pháp phòng, chống bệnh truyền nhiễm; + Biện pháp phòng ngừa ô nhiễm môi trường; + Biện pháp phòng, chống cháy, nổ; + Dự toán chi phí trục vớt; + Đơn vị thực hiện trục vớt. <p>Đối với phương án trục vớt do chủ sở hữu tài sản lập và thực hiện trục vớt thì phương án không bao gồm nội dung dự toán chi phí trục vớt</p>		
c	Các tài liệu, giấy tờ cần thiết khác có liên quan (nếu có)		
3.3	Số lượng hồ sơ		
	01 bộ		
3.4	Thời gian xử lý		
	- Không quá 24 giờ, kể từ thời điểm nhận đủ hồ sơ theo quy định với tài sản chìm đắm gây nguy hiểm		
3.5	Cách thức nhận hồ sơ và trả kết quả giải quyết thủ tục hành chính:		
	<p>Cách 1: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội.</p> <p>Cách 2: Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật.</p> <p>Cách 3: Trực tuyến tại Công dịch vụ công Quốc gia</p>		
3.6	Phí, lệ phí		
	Không có		
3.7	Quy trình xử lý công việc		

TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/kết quả
B1	<p>Nộp và tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>1. Nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở lựa chọn hình thức: Trực tiếp/trực tuyến/bưu chính. <p>2. Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. (Ưu tiên hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không hợp lệ: hướng dẫn, bổ sung hoàn thiện hồ sơ vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi qua tài khoản của cá nhân tại Công dịch vụ công quốc gia. - Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: số hoá hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và gửi Phiếu Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho cá nhân; luân chuyển hồ sơ trên hệ thống và hồ sơ giấy (nếu có) về Sở Xây dựng. 	<ul style="list-style-type: none"> - Cơ sở. - Cán bộ của Trung tâm Phục vụ hành chính công. 	02 giờ	<p>1. Theo mục 3.2</p> <p>2. Các Biểu mẫu theo Thông tư số 03/2025/TT-VPCP</p>
B2	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyển hồ sơ đã nhận trình Lãnh đạo Sở giao việc. - Chuyển phòng chuyên môn giải quyết hồ sơ; Giao Chuyên viên giải quyết hồ sơ 	<ul style="list-style-type: none"> - Cán bộ của Trung tâm Phục vụ hành chính công. - Văn phòng Sở. - Lãnh đạo Sở. - Lãnh đạo phòng chuyên môn 	02 giờ	Mẫu số 06 (Thông tư 03/2025/TT-VPCP)
B3	Chuyên viên giải quyết hồ sơ: Kiểm tra hồ sơ; Soạn thảo Quyết định phê duyệt hoặc văn bản trả lời và nêu rõ lý do trường hợp không phê duyệt.	Chuyên viên giải quyết hồ sơ.	10 giờ	Dự thảo văn bản
B4	Lãnh đạo phòng rà soát, ký nháy Quyết định phê duyệt hoặc văn bản.	<ul style="list-style-type: none"> - Lãnh đạo phòng QLKCHTGT - Lãnh đạo Sở 	4 giờ	Dự thảo văn bản
B5	Lãnh đạo Sở xem xét ký: Quyết định phê duyệt hoặc văn bản	Chuyên viên, Lãnh đạo phòng chuyên	4 giờ	Văn bản

		môn - Sở Xây dựng		
B6	<ul style="list-style-type: none"> - Phát hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính, kết thúc xử lý hồ sơ trên hệ thống. - Bàn giao kết quả giấy (nếu có) về Trung tâm Phục vụ hành chính công 	<ul style="list-style-type: none"> - Chuyên viên giải quyết hồ sơ. - Văn phòng Sở -TTPVHCC 	2 giờ	<ul style="list-style-type: none"> - Kết quả giải quyết thủ tục hành chính - Mẫu số 06 (Thông tư 03/2025/TT-VPCP)
B7	Trả kết quả cho tổ chức, cá nhân	-TTPVHCC		
4	BIỂU MẪU			
	<p>Theo Thông tư số 03/2025/TT-VPCP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01 - Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Mẫu số 02 - Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Mẫu số 03 - Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Mẫu số 04 - Mẫu Văn bản xin lỗi và đề nghị gia hạn thời gian giải quyết - Mẫu số 05 - Mẫu Thông báo dừng giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06 - Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 07 - Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ 			
	<p>Theo Nghị định số 05/2017/NĐ-CP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 02 Tờ khai phê duyệt Phương án trực vớt tài sản chìm đắm. 			

6. Quy trình Công bố đưa bến xe khách vào khai thác (Mã thủ tục hành chính: 1.000660)

1	MỤC ĐÍCH: Nhằm quy định trình tự và thủ tục Công bố đưa bến xe khách vào khai thác.		
2	PHẠM VI: - Áp dụng cho hoạt động Công bố đưa bến xe khách vào khai thác. - Quy trình này áp dụng cho cán bộ, công chức làm việc tại Phòng Chuyên môn thuộc Sở Xây dựng thành phố Hà Nội; tổ chức, cá nhân khi tham gia thực hiện các thủ tục thuộc phạm vi áp dụng của quy trình và các cá nhân, tổ chức liên quan.		
3	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>- Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT- BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lối chờ hành khách và xe ô tô.</p> <p>- Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ.</p> <p>- Quyết định số 2503/QĐ-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</p> <p>- Quyết định số 308/QĐ-TTPVHCC ngày 13/3/2026 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Văn bản đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác theo mẫu	x	
	Văn bản chấp thuận đầu nối đường ra, vào bến xe với đường bộ của cơ quan có thẩm quyền;		x
	Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể bến xe		x

	Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách với các công trình của bến xe;			x
	Quyết định cho phép đầu tư xây dựng của cơ quan có thẩm quyền và biên bản nghiệm thu xây dựng	x		
	Quy chế quản lý khai thác bến xe khách do đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách ban hành	x		
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 (bộ)			
3.4	Thời gian xử lý			
	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 10 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. - Thời hạn công bố: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp quyết định công bố: trong thời hạn 05 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. + Trường hợp thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. 			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Cách 1: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội. - Cách 2: Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. - Cách 3: Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia 			
3.6	Lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	<p>Nộp và tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>1. Nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức/cá nhân có nhu cầu lựa chọn hình thức: Trực tiếp/trực tuyến/bưu chính. <p>2. Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. (Ưu tiên hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không hợp lệ: hướng dẫn, bổ sung hoàn thiện hồ sơ vào 	Tổ chức	04 giờ	<p>1. Theo mục 3.2</p> <p>2. Các Biểu mẫu theo Thông tư số 03/2025/TT-VPCP</p>

	<p>Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi qua tài khoản của cá nhân tại Công dịch vụ công quốc gia.</p> <p>- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: số hoá hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và gửi Phiếu Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho cá nhân; luân chuyển hồ sơ trên hệ thống và hồ sơ giấy (nếu có) về Sở Xây dựng</p>			
B2	<p>- Chuyển hồ sơ đã nhận trình Lãnh đạo Sở giao việc.</p> <p>- Chuyển phòng chuyên môn giải quyết hồ sơ; Giao Chuyên viên giải quyết hồ sơ</p>	<p>- Văn phòng Sở</p> <p>- Lãnh đạo Sở</p> <p>- Lãnh đạo phòng chuyên môn</p>	04 giờ	Mẫu số 06 (Thông tư 03/2025/TT-VPCP)
B3	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, tổ chức kiểm tra các tiêu chí phân loại bến xe theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách và lập biên bản kiểm tra;	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	Trong thời hạn 9 ngày	Biên bản kiểm tra
B3.1.	Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra			
	Sau khi kiểm tra, bến xe không đáp ứng đúng các tiêu chí	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	02 ngày làm việc	Biên bản kiểm tra và Thông báo của Sở Xây dựng Hà Nội cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách
B3.2.	Trường hợp bến xe đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe đề nghị			
B4	Sau khi kiểm tra, bến xe đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe đề nghị.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	2.5 ngày làm việc	Biên bản kiểm tra và dự thảo quyết định công bố đưa bến xe vào khai thác. Mẫu số 06 theo Thông tư 03/2025/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Lãnh đạo phòng phê duyệt	01 ngày làm việc	Quyết định công bố đưa

				bến xe khách vào khai thác. Mẫu số 06 theo Thông tư 03/2025/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở xem xét, ký phê duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng Hà Nội	01 ngày làm việc	Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. (được ký duyệt) Mẫu số 06 theo Thông tư 03/2025/TT-VPCP
B7	- Phát hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính, kết thúc xử lý hồ sơ trên hệ thống. - Bàn giao kết quả giấy (nếu có) về Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải và Văn phòng Sở.	04 giờ	Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. (đã được ban hành) Mẫu số 06 theo Thông tư 03/2025/TT-VPCP
B8	Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố	Giờ hành chính	
4	BIỂU MẪU			
	<p>Theo Thông tư số 03/2025/TT-VPCP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01 - Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Mẫu số 02 - Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Mẫu số 03 - Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Mẫu số 04 - Mẫu Văn bản xin lỗi và đề nghị gia hạn thời gian giải quyết - Mẫu số 05 - Mẫu Thông báo dừng giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06 - Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 07 - Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ 			
	<p>Theo Thông tư 36/2024/TT-BGTVT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu Giấy đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác - Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật theo quy chuẩn đối với các công trình của bến xe khách; - Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác 			

Mẫu: Giấy đề nghị công bố đưa bến xe khách vào khai thác

..... (2).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ ĐƯA BẾN XE KHÁCH VÀO KHAI THÁC**

Kính gửi:..... (1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....
2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....
3. Trụ sở:.....
4. Số điện thoại (Fax):.....
5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày... tháng...năm....

Đề nghị kiểm tra để đưa bến xe khách..... (3)

Cụ thể như sau:

- Tên: (3).....
- Địa chỉ: (4).....
- Tổng diện tích đất: (5).....

Sau khi xem xét và đối chiếu với các quy định tại QCVN/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách chúng tôi đề nghị....(1).... công bố Bến xe khách..... (3).... đạt quy chuẩn Bến xe loại:..... (6).... và được đưa vào khai thác..... (2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

*** Hướng dẫn ghi:**

- 1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách.
- (3) Ghi tên bến xe khách.
- (4) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách.
- (5) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách.
- (6) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố.

Mẫu: Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật theo quy chuẩn đối với các công trình của bến xe khách

.....(2).....

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM**

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../.....

....., ngày.... tháng.... năm.....

BẢN ĐỐI CHIẾU CÁC QUY ĐỊNH KỸ THUẬT THEO QUY CHUẨN ĐỐI VỚI CÁC CÔNG TRÌNH CỦA BẾN XE KHÁCH

Kính gửi:.....(1).....

1. Đơn vị khai thác bến xe khách: (2):.....

2. Trụ sở:.....

3. Số điện thoại (Fax):.....

Kết quả đối chiếu các quy định kỹ thuật theo quy chuẩn đối với các công trình của bến xe khách.....(3)..... như sau:

TT	Tiêu chí phân loại	Đơn vị tính	Quy định kỹ thuật của Bến xe khách loại(4)....	Theo thực tế
1	Tổng diện tích (tối thiểu)	m2		
2	Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách (tối thiểu)	m2		
3	Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác (tối thiểu)	m2		
4	Diện tích tối thiểu phòng chờ cho hành khách (có thể phân thành nhiều khu vực trong bến)	m2		
5	Số vị trí đón, trả khách (tối thiểu)	vị trí		
6	Số chỗ ngồi tối thiểu khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)	chỗ		
7	Hệ thống điều hòa, quạt điện khu vực phòng chờ cho hành khách (tối thiểu)			
8	Diện tích khu vực làm việc của bộ máy quản lý			
9	Diện tích văn phòng dành cho Y tế			
10	Diện tích khu vệ sinh			
11	Diện tích dành cho cây xanh, thảm cỏ			
12	Đường xe ra, vào bến			
13	Đường dẫn từ phòng chờ cho hành khách đến các vị trí đón, trả khách			
14	Kết cấu mặt đường ra, vào bến xe và sân bến			
15	Hệ thống cung cấp thông tin			

16	Hệ thống kiểm soát xe ra vào bến		
----	----------------------------------	--	--

Các tiêu chí phân loại tại bảng trên áp dụng phù hợp theo quy định đối với bến xe khách được quy định tại Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách.

....(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

*** Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách.
- (3) Ghi tên bến xe.
- (4) Ghi loại bến xe đề nghị công bố.

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu: Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác
 (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT
NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-....

....., ngày..... tháng.... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố đưa bến xe khách/bến xe hàng vào khai thác

(2)

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Căn cứ QCVN/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách/bến xe hàng do Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày tháng năm 20....;

Căn cứ Quyết định số..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của.....(2)....

Căn cứ Biên bản kiểm tra của.....(2)..... ngày...../...../.....

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố đưa Bến xe khách/bến xe hàng..... (1).... vào khai thác với các nội dung sau:

- Bến xe khách/bến xe hàng: (1) Mã số:.....

- Đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe trực tiếp quản lý, khai thác:.....

- Vị trí (3)..... Điện thoại:..... Fax:.....

- Tổng diện tích đất:.....(4).....

Trong đó:

- Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách/xếp hàng hóa:.....

- Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác:.....

- Diện tích phòng chờ cho hành khách (áp dụng cho bến xe khách):.....

.....(1)..... đạt quy chuẩn Bến xe khách/bến xe hàng loại:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng.... năm..... đến ngày..... tháng.....năm.....

Điều 3. Các ông (bà)....., Trưởng phòng.....; Thủ trưởng...(1).... và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Thủ trưởng...(2)....
(Ký tên, đóng dấu)

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐBVN;
- Lưu.

*** Hướng dẫn ghi:**

- (1) Ghi tên bến xe khách/bến xe hàng.
- (2) Ghi tên cơ quan ban hành quyết định công bố.
- (3) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách/bến xe hàng.
- (4) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách/bến xe hàng.

7. Quy trình thủ tục công bố lại bến xe khách (Mã thủ tục hành chính: 1.000672)

1	MỤC ĐÍCH: Nhằm quy định trình tự và thủ tục công bố lại bến xe khách		
2	PHẠM VI: - Áp dụng cho hoạt động Công bố lại bến xe khách - Quy trình này áp dụng cho cán bộ, công chức làm việc tại Phòng Chuyên môn thuộc Sở Xây dựng thành phố Hà Nội; tổ chức, cá nhân khi tham gia thực hiện các thủ tục thuộc phạm vi áp dụng của quy trình và các cá nhân, tổ chức liên quan.		
3	NỘI DUNG QUY TRÌNH		
3.1	Cơ sở pháp lý		
	<p>- Thông tư số 72/2025/TT-BXD ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng Sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác, Thông tư số 40/2024/TT- BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về công tác phòng, chống, khắc phục hậu quả thiên tai trong lĩnh vực đường bộ; Thông tư số 41/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về quản lý, vận hành, khai thác và bảo trì kết cấu hạ tầng đường bộ; Thông tư số 22/2014/TT-BGTVT ngày 06 tháng 6 năm 2014 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải hướng dẫn xây dựng quy trình vận hành, khai thác bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưới chở hành khách và xe ô tô.</p> <p>- Thông tư 36/2024/TT-BGTVT ngày 15/11/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải Quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác.</p> <p>- Quyết định số 2503/QĐ-BXD ngày 31/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng về việc công bố thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý nhà nước của Bộ Xây dựng;</p> <p>- Quyết định số 308/QĐ-TTPVHCC ngày 13/3/2026 của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công về việc công bố Danh mục thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung và bãi bỏ trong lĩnh vực đường bộ thuộc phạm vi chức năng quản lý của Sở Xây dựng thành phố Hà Nội</p>		
3.2	Thành phần hồ sơ	Bản chính	Bản sao
	Văn bản đề nghị công bố lại bến xe theo mẫu	x	
	Bản vẽ bố trí mặt bằng tổng thể các công trình xây dựng, cải tạo bến xe (nếu có thay đổi so với lần công bố trước);		x
	Quyết định cho phép đầu tư xây dựng, cải tạo của cơ quan có thẩm quyền (nếu có sự thay đổi so với lần công bố trước)	x	x
	Biên bản nghiệm thu các công trình xây dựng, cải tạo (nếu có sự thay đổi so với lần công bố trước)		x

	Bản đối chiếu các quy định kỹ thuật của quy chuẩn này với các công trình của bến xe (nếu có sự thay đổi so với lần công bố trước)	x		
	Văn bản hoặc tài liệu chứng minh về thay đổi đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe (nếu có thay đổi so với lần công bố trước)	x	x	
3.3	Số lượng hồ sơ			
	01 (bộ)			
3.4	Thời gian xử lý			
	<ul style="list-style-type: none"> - Thời hạn kiểm tra: trong thời hạn 05 ngày làm việc, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định. - Thời hạn công bố: <ul style="list-style-type: none"> + Trường hợp quyết định công bố: trong thời hạn 03 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra. + Trường hợp thông báo cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách: trong thời hạn 02 ngày làm việc kể từ ngày kết thúc kiểm tra 			
3.5	Nơi tiếp nhận và trả kết quả			
	<ul style="list-style-type: none"> - Cách 1: Trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội. - Cách 2: Thông qua dịch vụ bưu chính công ích theo quy định của Thủ tướng Chính phủ, qua thuê dịch vụ của doanh nghiệp, cá nhân hoặc qua ủy quyền theo quy định của pháp luật. - Cách 3: Trực tuyến tại Cổng dịch vụ công Quốc gia 			
3.6	Lệ phí			
	Không có			
3.7	Quy trình xử lý công việc			
TT	Trình tự	Trách nhiệm	Thời gian	Biểu mẫu/ Kết quả
B1	<p>Nộp và tiếp nhận hồ sơ:</p> <p>1. Nộp hồ sơ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Tổ chức/cá nhân có nhu cầu lựa chọn hình thức: Trực tiếp/trực tuyến/bưu chính. <p>2. Trung tâm Phục vụ hành chính công (TTPVHCC) Kiểm tra, hướng dẫn, tiếp nhận hồ sơ và xem xét tính chính xác, đầy đủ của hồ sơ. (Ưu tiên hướng dẫn nộp hồ sơ trực tuyến)</p> <ul style="list-style-type: none"> - Trường hợp hồ sơ chưa đầy đủ, chính xác hoặc không hợp lệ: hướng dẫn, bổ sung hoàn thiện hồ sơ vào Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ gửi qua tài khoản của cá nhân tại Cổng dịch vụ công quốc gia. 	Tổ chức	04 giờ	<p>1. Theo mục 3.2</p> <p>2. Các Biểu mẫu theo Thông tư số 03/2025/TT-VPCP</p>

	- Trường hợp hồ sơ đầy đủ, hợp lệ: số hoá hồ sơ vào Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính và gửi Phiếu Tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả cho cá nhân; luân chuyển hồ sơ trên hệ thống và hồ sơ giấy (nếu có) về Sở Xây dựng			
B2	- Chuyển hồ sơ đã nhận trình Lãnh đạo Sở giao việc. - Chuyển phòng chuyên môn giải quyết hồ sơ; Giao Chuyên viên giải quyết hồ sơ	- Văn phòng Sở - Lãnh đạo Sở - Lãnh đạo phòng chuyên môn	04 giờ	Mẫu số 06 (Thông tư 03/2025/TT-VPCP)
B3	Kể từ ngày nhận đủ hồ sơ đúng quy định, tổ chức kiểm tra các tiêu chí phân loại bến xe theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về bến xe khách và lập biên bản kiểm tra;	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	Trong thời hạn 04 ngày làm việc	Biên bản kiểm tra
B3.1.	Trường hợp sau khi kiểm tra, nếu bến xe không đáp ứng đúng các tiêu chí thì phải ghi rõ các nội dung không đạt trong biên bản kiểm tra			
	Sau khi kiểm tra, bến xe không đáp ứng đúng các tiêu chí	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	02 ngày làm việc	Biên bản kiểm tra và Thông báo của Sở Xây dựng Hà Nội cho đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe khách
B3.2.	Trường hợp bến xe đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe đề nghị			
	Sau khi kiểm tra, bến xe đáp ứng đúng các quy định kỹ thuật của loại bến xe mà đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe đề nghị.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	01 ngày làm việc	Biên bản kiểm tra và dự thảo quyết định công bố đưa bến xe vào khai thác. Mẫu số 06 theo Thông tư 03/2025/TT-VPCP
B4	Kiểm tra hồ sơ, cập nhật dữ liệu, in kết quả. Trình lãnh đạo phòng phê duyệt.	Chuyên viên phòng Quản lý vận tải	1,5 ngày làm việc	- Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. - Mẫu số 06 theo Thông tư

				03/2025/TT-VPCP
B5	Phê duyệt hồ sơ và ký nháy	Lãnh đạo phòng phê duyệt	0.5 ngày làm việc	Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. Mẫu số 06 theo Thông tư 03/2025/TT-VPCP
B6	Trình Lãnh đạo Sở xem xét, ký phê duyệt	Lãnh đạo Sở Xây dựng Hà Nội	0.5 ngày làm việc	Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. (được ký duyệt) Mẫu số 06 theo Thông tư 03/2025/TT-VPCP
B7	- Phát hành kết quả giải quyết thủ tục hành chính, kết thúc xử lý hồ sơ trên hệ thống. - Bàn giao kết quả giấy (nếu có) về Trung tâm Phục vụ hành chính công	- Chuyên viên phòng Quản lý vận tải - Văn phòng Sở	0.5 ngày làm việc	Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác. (đã được ban hành) Mẫu số 06 theo Thông tư 03/2025/TT-VPCP
B8	Trả kết quả cho tổ chức/cá nhân	Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố		
4	BIỂU MẪU			
	<p>Theo Thông tư số 03/2025/TT-VPCP</p> <ul style="list-style-type: none"> - Mẫu số 01 - Mẫu Giấy tiếp nhận hồ sơ và hẹn trả kết quả - Mẫu số 02 - Mẫu Phiếu yêu cầu bổ sung, hoàn thiện hồ sơ - Mẫu số 03 - Mẫu Phiếu từ chối tiếp nhận giải quyết hồ sơ - Mẫu số 04 - Mẫu Văn bản xin lỗi và đề nghị gia hạn thời gian giải quyết - Mẫu số 05 - Mẫu Thông báo dừng giải quyết hồ sơ - Mẫu số 06 - Mẫu Phiếu kiểm soát quá trình giải quyết hồ sơ - Mẫu số 07 - Mẫu Sổ theo dõi hồ sơ 			
	<p>Biểu mẫu theo Thông tư 36/2024/TT-BGTVT</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giấy đề nghị công bố lại bến xe khách; - Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác 			

Mẫu: Giấy đề nghị công bố lại bến xe khách

.....(2).....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số:...../.....

....., ngày... tháng.... năm...

**GIẤY ĐỀ NGHỊ
CÔNG BỐ LẠI BẾN XE KHÁCH**

Kính gửi:..... (1)

1. Đơn vị khai thác bến xe khách:..... (2):

2. Tên giao dịch quốc tế (nếu có):.....

3. Trụ sở:.....

4. Số điện thoại (Fax):.....

5. Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số..... do..... cấp ngày...tháng...năm.....

Đơn vị hiện đang quản lý, khai thác...(3)..... Theo Quyết định công bố đưa Bến xe khách vào khai thác số.... ngày.... tháng... năm... của...(1)..... Thời gian được phép khai thác đến ngày... tháng.... năm.....

Sau khi xem xét các quy định tại Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác; QCVN/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật Quốc gia về Bến xe khách, chúng tôi đề nghị.... (1)..... tiếp tục công bố đưa Bến xe khách.... (3).... đạt loại:..... (4):..... vào khai thác...(2).... cam kết những nội dung trên là đúng thực tế.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu...

*** Hướng dẫn ghi:**

- (1) Gửi Sở Giao thông vận tải địa phương có bến xe khách.
- (2) Ghi tên đơn vị khai thác bến xe khách.
- (3) Ghi tên bến xe khách.
- (4) Ghi loại bến xe khách đề nghị công bố.

Đại diện đơn vị
(Ký tên, đóng dấu)

Mẫu: Quyết định công bố đưa bến xe khách vào khai thác
 (2)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../QĐ-....

....., ngày..... tháng..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH**Về việc công bố đưa bến xe khách/bến xe hàng vào khai thác**

(2)

Căn cứ Thông tư số 36/2024/TT-BGTVT ngày 15 tháng 11 năm 2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải quy định về tổ chức, quản lý hoạt động vận tải bằng xe ô tô và hoạt động của bến xe, bãi đỗ xe, trạm dừng nghỉ, điểm dừng xe trên đường bộ; quy định trình tự, thủ tục đưa bến xe, trạm dừng nghỉ vào khai thác;

Căn cứ QCVN/BGTVT Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về Bến xe khách/bến xe hàng do Bộ Giao thông vận tải ban hành ngày tháng năm 20....;

Căn cứ Quyết định số..... của..... quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của.....(2)....

Căn cứ Biên bản kiểm tra của.....(2)..... ngày...../...../.....

Xét đề nghị của.....

QUYẾT ĐỊNH

Điều 1. Công bố đưa Bến xe khách/bến xe hàng..... (1).... vào khai thác với các nội dung sau:

- Bến xe khách/bến xe hàng: (1) Mã số:.....
- Đơn vị kinh doanh dịch vụ bến xe trực tiếp quản lý, khai thác:.....
- Vị trí (3)..... Điện thoại:..... Fax:.....
- Tổng diện tích đất:.....(4).....

Trong đó:

- Diện tích bãi đỗ xe ô tô chờ vào vị trí đón khách/xếp hàng hóa:.....
- Diện tích bãi đỗ xe dành cho phương tiện khác:.....
- Diện tích phòng chờ cho hành khách (áp dụng cho bến xe khách):.....
-(1)..... đạt quy chuẩn Bến xe khách/bến xe hàng loại:.....

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày..... tháng.... năm.... đến ngày..... tháng..... năm.....

Điều 3. Các ông (bà)....., Trưởng phòng.....; Thủ trưởng...(1).... và Thủ trưởng các đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này./.

Thủ trưởng...(2)....*(Ký tên, đóng dấu)***Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- Tổng cục ĐBVN;
- Lưu.

*** Hướng dẫn ghi:**

- (1) Ghi tên bến xe khách/bến xe hàng.
- (2) Ghi tên cơ quan ban hành quyết định công bố.
- (3) Ghi tên vị trí, lý trình, địa chỉ của bến xe khách/bến xe hàng.

(4) Ghi diện tích đất hợp pháp được sử dụng để xây dựng bến xe khách/bến xe hàng.

Phụ lục II
DANH MỤC QUY TRÌNH NỘI BỘ, QUY TRÌNH ĐIỆN TỬ GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH BỊ BÃI BỎ
(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-TTPVHCC ngày / /2026
của Giám đốc Trung tâm Phục vụ hành chính công thành phố Hà Nội)

STT	Thủ tục hành chính	Số thứ tự Quy trình tại Quyết định của Giám đốc Trung tâm phục vụ hành chính công Thành phố	Văn bản quy phạm pháp luật quy định việc bãi bỏ thủ tục hành chính
1	Thủ tục đề nghị trả lại phù hiệu, biển hiệu	QT-104 tại Quyết định số 671/QĐ-TTPVHCC ngày 28/04/2025	Nghị định số 364/2025/NĐ-CP ngày 31/12/2025 của Chính phủ: Quy định mức thu, chế độ thu, nộp, miễn, quản lý và sử dụng phí sử dụng đường bộ thu qua đầu phương tiện đối với xe ô tô
2	Thủ tục đề nghị cấp/cấp lại Tem kiểm định và Tem nộp phí sử dụng đường bộ	QT-108 tại Quyết định số 671/QĐ-TTPVHCC ngày 28/04/2025	
3	Chấp thuận chủ trương xây dựng đường ngang (đối với đường sắt có tốc độ thiết kế nhỏ hơn 100 km/giờ giao nhau với đường bộ; đường sắt giao nhau với đường bộ từ cấp IV trở xuống)	QT-01 tại Quyết định số 1096/QĐ-TTPVHCC ngày 24/07/2025	Nghị định số 16/2026/NĐ-CP ngày 14/01/2026 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều Luật Đường sắt